TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HS-ST
Ngày 21/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Tiến Hóa và ông Phạm Văn Đức.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Vân, Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng, Toà án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2026/TLST-HS ngày 15/4/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-HS ngày 08/5/2026 đối với bị cáo:

Bùi Thị S, sinh năm 1996; nơi sinh: Tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã V, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở hiện nay: Thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; có chồng là Hồ Đức T, sinh năm 1991; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú từ khi khởi tố vụ án đến nay. *Có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Sỹ T1, sinh năm 1997; địa chỉ: Bon B, xã N, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

- Ông Trịnh Văn T2, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

- Bà Bùi Thị T3, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/6/2025, Bùi Thị S thuê nhà của ông Nguyễn Văn P thuộc thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng để mở quán cà phê võng "Gia Hân", do buôn bán một thời gian nhưng ế ẩm nên S nảy sinh ý định sẽ sử dụng địa điểm quán cà phê võng "G" do S quản lý để làm địa điểm mua bán dâm, S đã liên hệ Phạm Thị L và Bùi Thị T3 cả hai đều là gái bán dâm thỏa thuận việc khi khách có nhu cầu mua dâm, L và T3 sẽ sử dụng quán cà phê võng "G" của S để bán dâm cho khách. Mỗi lần bán dâm thì L và T3 phải trả cho S số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, giá cả mỗi lần bán dâm do L, T3 tự thỏa thuận với khách. Thân chưa có chỗ ở nên S để T3 ăn ở miễn phí và sử dụng gác lửng trong quán làm nơi bán dâm, T3 sẽ phụ S bán quán nước nhưng không lấy tiền công. L ở phòng trọ gần quán của S nên khi có khách mua dâm S sẽ gọi L đến quán bán dâm.

Khoảng 20 giờ 10 phút ngày 15/12/2025, khi S và T3 đang ở quán cà phê giải khát "G", Trịnh Văn T2 và Nguyễn Sỹ T1 đến quán uống nước gặp S và T3. T1 hỏi có bán dâm không, thì T3 đồng ý. Sương thấy có 02 khách đến mua dâm nên S điều khiển xe đạp điện đến dãy phòng trọ (cách quán của S khoảng 100 mét) gặp L và chở L đến quán của S. Tại quán, T1 thỏa thuận thống nhất với T3 về việc mua bán dâm với giá 400.000 đồng/lần, khi nào quan hệ tình dục xong sẽ trả tiền. T3 đi vào trong phòng ngủ số 01, lấy 03 bao cao su, sau đó cùng T1 đi lên gác lửng trong quán để thực hiện hành vi mua bán dâm. T2 thỏa thuận thống nhất với L về việc mua bán dâm với giá 400.000 đồng/lần, khi quan hệ tình dục xong sẽ trả tiền. Khi hai người đã vào trong nhà, S đóng cửa cổng và nằm trên võng trong hiên nhà để cảnh giới. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi T2 và L đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục, T1 và T3 đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì Công an xã N bắt quả tang.

Vật chứng đã thu giữ: 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng bên ngoài có in dòng chữ Hoa hồng, 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng; 02 bao cao su chưa qua sử dụng bên ngoài có in dòng chữ Hoa Hồng thu giữ trên nệm tại gác lửng nhà bà S; 08 bao cao su chưa qua sử dụng bên ngoài có in dòng chữ Hoa hồng thu giữ tại phòng ngủ số 01 nhà của S; 04 tờ polymer mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), tổng cộng 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) và 01 xe đạp điện màu hồng, bên hông xe có dòng chữ VC-NOBLE.

Tại bản Cáo trạng số: 16/CT-VKS-KV7 ngày 10/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng truy tố Bùi Thị S về tội *"Chứa mại dâm"* được quy định tại khoản 1 Điều 327 và tội *"Môi giới mại dâm*" theo quy định tại khoản 1, Điều 328 Bộ luật hình sự.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Rút một phần truy tố đối với Bùi Thị S về tội "Môi giới mại dâm" quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự. Vì, tại phiên tòa xét thấy hành vi môi giới mại dâm của bị cáo đối với Phạm Thị L xuất phát từ thỏa thuận trước đó của cả hai về việc nếu có khách thì bị cáo sẽ gọi L đến bán dâm tại quán của mình. Trên tinh thần của Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và xuất phát từ nguyên tắc có lợi cho bị cáo, thu hút hành vi môi giới của bị cáo về tội Chứa mại dâm, nên việc truy tố bị cáo tội Môi giới mại dâm quy định tại khoản 1 Điều 328 BLHS là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về tội danh: Tuyên bố Bùi Thị S phạm tội *"Chứa mại dâm"*.

3. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 327, điểm n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Thị S từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, điểm a, c khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã trả lại 01 xe đạp điện màu hồng, bên hông xe có dòng chữ VC-NOBLE cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị T4.

- Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Lâm Đồng đã tiêu hủy: Đối với 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng bên ngoài có in dòng chữ Hoa Hồng, 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng.

- Tiêu hủy đối với 10 bao cao su chưa qua sử dụng bên ngoài có in dòng chữ Hoa Hồng;

- Tịch thu số tiền 800.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai. Bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với các con.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi tố tụng, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về tội danh: Vào khoảng 20 giờ 10 phút ngày 15/12/2025 tại quán cà phê võng "G" thuộc thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng của Bùi Thị S (S thuê nhà của ông Nguyễn Văn P) và S đã có hành vi chứa chấp Bùi Thị T3 mua bán dâm với Nguyễn Sỹ T1 với số tiền 400.000 đồng và Phạm Thị L mua bán dâm với Trịnh Văn T2 với số tiền 400.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Thị S đã phạm tội *"Chứa mại dâm"* theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Điều 327. Tội chứa mại dâm

"1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm."

[3]. Về tình tiết định khung hình phạt: Không.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là phụ nữ có thai (thai kỳ tháng thứ 5). Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Hội đồng xét xử cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[5]. Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng và đạo đức xã hội gắn liền với việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung tội phạm.

[6]. Việc xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã trả lại 01 xe đạp điện màu hồng, bên hông xe có dòng chữ VC-NOBLE cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị T4 và tiêu hủy đối với 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng bên ngoài có in dòng chữ Hoa Hồng, 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng là phù hợp nên được chấp nhận.

Cần tiêu hủy đối với 10 bao cao su chưa qua sử dụng bên ngoài có in dòng chữ Hoa Hồng là phù hợp.

Cần tịch thu số tiền 800.000 đồng liên quan đến hành vi phạm tội để sung ngân sách nhà nước là phù hợp.

[7]. Đối với hành vi mua dâm của Trịnh Văn T2 và Nguyễn Sỹ T1, hành vi bán dâm của Phạm Thị L và Bùi Thị T3 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L đã chuyển đến Công an xã N để ra Quyết định xử phạt hành chính theo thẩm quyền là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Văn P là người cho bị cáo thuê nhà nhưng không biết bị cáo sử dụng nhà để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[8]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc rút một phần quyết định truy tố đối với Bùi Thị S về tội "Môi giới mại dâm" là phù hợp với quy định tại Điều 319, Điều 325 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Bùi Thị S về tội danh "Chứa mại dâm", tình tiết định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, việc xử lý vật chứng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận. Đối với đề nghị về mức hình phạt là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới phù hợp và thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước.

[9]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị S phạm tội *"Chứa mại dâm"*.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 327, điểm n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Thị S 01 *(Một)* năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tiêu hủy đối với 10 bao cao su chưa qua sử dụng bên ngoài có in dòng chữ Hoa Hồng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 800.000 đồng *(hiện đang tạm gửi tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo Biên lai thu tiền số 0001611 ngày 15/4/2026).*

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15/4/2026).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Bùi Thị S phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

TAND KHU VỰC 7

ZDC210526.TL.QDBA
1032

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Xuân